

Số: ~~7~~ 134/QĐ-UBND

Thạch An, ngày 23 tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2023

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH AN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 79/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng về Kế hoạch đầu tư công năm 2023 tỉnh Cao Bằng;

Căn cứ Nghị quyết số 58/NQ-HĐND ngày 28 tháng 10 năm 2021 của Hội đồng nhân dân huyện Thạch An về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 – 2025 vốn ngân sách địa phương huyện Thạch An;

Căn cứ Nghị quyết số 67/NQ-HĐND ngày 17 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân huyện Thạch An điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 vốn ngân sách địa phương huyện Thạch An;

Căn cứ Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Hội đồng nhân dân huyện Thạch An điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 huyện Thạch An (lần 2);

Căn cứ Nghị số 12/NQ-HĐND ngày 07 tháng 11 năm 2022 của Hội đồng nhân dân huyện Thạch An điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 huyện Thạch An (lần 3);

Căn cứ Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 20 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân huyện Thạch An điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 huyện Thạch An (lần 4);

Căn cứ Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 20 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân huyện Thạch An về Kế hoạch đầu tư công năm 2023 huyện Thạch An;

Căn cứ Quyết định số 1888/QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2023;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2023 huyện Thạch An (*Chi tiết theo biểu số 01 kèm theo*).

Điều 2. Căn cứ kế hoạch vốn được giao tại Điều 1, các cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn có trách nhiệm triển khai thực hiện theo đúng quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật khác có liên quan; sử dụng vốn đúng mục đích, hiệu quả; đẩy nhanh tiến độ giải ngân; thanh, quyết toán theo quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch, Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng, Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch Hội nông dân huyện, Giám đốc Ban quản lý dự án Đầu tư và Xây dựng huyện, Giám đốc Kho bạc nhà nước huyện và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /./ *th*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT. Huyện ủy;
- TT. HĐND huyện;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Lưu: VT, TCKH.

th

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nông Thế Phúc

Đơn vị: Triệu đồng

[illegible]

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Mã số ngành (loại, khoản)	Mã số đầu tư	Địa điểm dự án	Thời gian KC-HT	Số quyết định, năm ban hành	Quyết định đầu tư			Lấy kế vốn đã bỏ trí đến hết KHI năm 2022	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch năm 2023	Chi chủ																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																													
								TMDT	Trong đó: NSDP	NS tỉnh																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																	
															12	13	14																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																										
A12	Huyện bỏ trí							78,803,000	48,120,000	6,500,000	24,098,000	6,509,088	26,598,000	10,000,000	10,000,000	1,944,500	1,676,500	100,000	1,191,000	385,500																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																							

TT	Danh mục dự án	1	2	3	Lĩnh vực: Quốc phòng	Cải tạo hệ thống khu vực phòng thủ huyện Thạch An	Lĩnh vực giao thông	Cầu và đường dẫn Nà Ngai xã Đầu tư và Trung Con	Đổi ứng thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia	2.1	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	Mở mới, nâng cấp đường nội đồng Pò Khôe - Phai Đét	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo	2.2	2.3	Chi chủ
Quyết định đầu tư	TMĐT	Số quyết định ngày, năm ban hành	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
Lấy kế vốn đã bỏ trí đến hết KH năm 2022	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch năm 2023	Trong đó: NSDP	Trong đó: NSDP	Trong đó: NSDP	Trong đó: NSDP	Trong đó: NSDP	Trong đó: NSDP	Trong đó: NSDP	Trong đó: NSDP	Trong đó: NSDP	Trong đó: NSDP	Trong đó: NSDP	Trong đó: NSDP	Trong đó: NSDP	Trong đó: NSDP
Chị chủ	Chị chủ	Chị chủ	Chị chủ	Chị chủ	Chị chủ	Chị chủ	Chị chủ	Chị chủ	Chị chủ	Chị chủ	Chị chủ	Chị chủ	Chị chủ	Chị chủ	Chị chủ	Chị chủ

[illegible]

